

Số: 1292/TTr-UBND

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính
cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Lâm Đồng sau rà soát

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 05/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Ngày 23/11/2023, UBND tỉnh ban hành Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Phương án số 10478/PA-UBND) trình Bộ Nội vụ xem xét cho ý kiến. Ngày 16/12/2023, Bộ Nội vụ có văn bản số 7431/BNV-CQĐP và 08 Bộ, ngành Trung ương¹ có văn bản tham gia góp ý về phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2025.

Sau khi triển khai rà soát các nội dung liên quan đến công tác quy hoạch, đánh giá tiêu chuẩn cơ sở hạ tầng đô thị đối với một số ĐVHC trong phương án sắp xếp theo góp ý của Bộ, ngành Trung ương; ngày 07/02/2024, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh ban hành Tờ trình số 1246/TTr-BCSĐ xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2025 sau rà soát.

¹ Văn bản số 5405/BVHTTDL-TCCB ngày 06/12/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Văn bản số 4874/BQP-TM ngày 11/12/2023 của Bộ Quốc phòng; Văn bản số 6537/BNG-UBBG ngày 12/12/2023 của Bộ Ngoại giao; Văn bản số 10701/BKHĐT-KTĐPLT ngày 20/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn bản số 9321/BNN-TCCB ngày 20/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 10720/BTNMT-ĐĐBĐVN ngày 20/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 4608/BCA-ANCTNB ngày 21/12/2023 của Bộ Công an và Văn bản số 14295/BTC-NSNN ngày 27/12/2023 của Bộ Tài chính.

Thực hiện Kết luận số 809/KL/TU ngày 20/02/2024 Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng lần thứ 56, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng kính báo cáo Bộ Nội vụ Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh sau rà soát góp ý của Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Tỉnh Lâm Đồng hiện có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (10 huyện, 02 thành phố) và 142 đơn vị hành chính cấp xã (111 xã, 18 phường, 13 thị trấn); qua rà soát số liệu về quy mô dân số và diện tích tự nhiên trên địa bàn tỉnh tính đến thời điểm 31/12/2022 cụ thể:

1. ĐVHC thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025

a) ĐVHC huyện:

Có 02 ĐVHC huyện (huyện Đạ Huoai và huyện Cát Tiên) có đồng thời cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định

b) ĐVHC xã:

- Có 01 ĐVHC xã (xã Triệu Hải huyện Đạ Tẻh) có đồng thời cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định;

- Có 01 ĐVHC xã (xã Quảng Lập huyện Đơn Dương) có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025.

2. ĐVHC thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030

a) ĐVHC huyện:

Có 01/12 ĐVHC huyện (Huyện Đạ Tẻh) có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030.

b) ĐVHC xã:

- Có 12 ĐVHC xã: xã Nam Hà thuộc huyện Lâm Hà; xã Hòa Trung thuộc huyện Di Linh; 02 xã (xã Lộc Quảng, xã Tân Lạc) thuộc huyện Bảo Lâm; 05 xã (xã Đoàn Kết, xã Hà Lâm, xã Madaguôi, xã Đạ Oai, xã Đạ Tồn) thuộc huyện Đạ Huoai và 03 xã (xã Đức Phổ, xã Quảng Ngãi, xã Nam Ninh) thuộc huyện Cát Tiên có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030; trong đó:

+ 02 xã (xã Quảng Ngãi và xã Nam Ninh thuộc huyện Cát Tiên) đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ 03 xã có quy mô dân số tiệm cận tiêu chuẩn theo quy định (*xã Lộc Quảng thuộc huyện Bảo Lâm có quy mô dân số 4.984/5.000 người đạt 99,68%, thiếu 16 người so với quy định; xã Nam Hà thuộc huyện Lâm Hà có quy mô dân số 4.895/5.000 người đạt 97,9% thiếu 105 người so với quy định và xã Madaguoi thuộc huyện Đa Huoai có quy mô dân số 4.861/5.000 người đạt 97,22%, thiếu 139 người so với quy định*).

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định với các ĐVHC liền kề là cơ sở quan trọng góp phần đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn và tổ chức hợp lý ĐVHC, mở rộng không gian đô thị, tạo điều kiện tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh là rất cần thiết.

Trên cơ sở các phương án sắp xếp ĐVHC của UBND các huyện, thành phố, UBND tỉnh Lâm Đồng kính báo cáo Bộ Nội vụ phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Lâm Đồng sau góp ý của Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương, cụ thể như sau:

II. ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP HUYỆN

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan, thống nhất đề nghị giữ nguyên Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện như Phương án 10478/PA-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh đã trình Bộ Nội vụ, cụ thể:

1. Đối với ĐVHC thuộc diện sắp xếp

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 huyện: huyện Đa Huoai, huyện Đa Tẻh và huyện Cát Tiên thành 01 huyện ***lấy tên là huyện Đa Huoai***.

2. Đối với ĐVHC diện khuyến khích

a) *Mở rộng không gian đô thị thành phố Đà Lạt*: Nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt.

b) *Mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc*: Điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 05 xã (*Lộc An, Lộc Thành, Lộc Nam, Tân Lạc và Lộc Tân*) thuộc huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lộc.

III. ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ

1. Đối với ĐVHC thuộc diện sắp xếp

- Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Triệu Hải vào xã Quảng Trị thuộc huyện Đa Tẻh.

- Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Quảng Lập vào xã Pro huyện Đơn Dương.

2. Đối với ĐVHC diện khuyến khích

a) Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

- Đối với huyện Đa Huoai:

+ Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Đoàn Kết và xã Đa P'loa.

+ Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Hà Lâm và xã Phước Lộc.

+ Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Đa Tồn và xã Đa Oai.

- Đối với huyện Bảo Lâm và thành phố Bảo Lộc: Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Tân Lạc thuộc huyện Bảo Lâm vào xã Lộc Nga thuộc thành phố Bảo Lộc.

b) Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp

- Đối với huyện Lạc Dương và thành phố Đà Lạt: Thành lập Phường Lang Biang trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương (sau khi nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt).

- Đối với thành phố Bảo Lộc:

+ Thành lập Phường Lộc Châu trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Lộc Châu hiện nay.

+ Thành lập Phường Lộc Nga trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Lộc Nga mở rộng sau khi nhập với xã Tân Lạc.

c) So với Phương án số 10478/PA-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh đã báo cáo trước đây, thì phương án tổng thể mới sau khi rà soát chưa xem xét các nội dung sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 như:

+ Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đức Phổ vào thị trấn Phước Cát thuộc huyện Cát Tiên.

+ Thành lập Phường Lộc Thành, thành phố Bảo Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Lộc Thành.

+ Thành lập Phường Lộc An, thành phố Bảo Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Lộc An.

Lý do: Qua đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn, tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị, công tác quy hoạch thì các ĐVHC trên chưa đảm bảo phù hợp về công tác quy hoạch và tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng đô thị. Trường hợp đến năm 2025 các ĐVHC thuộc diện khuyến khích sắp xếp trên đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn để hình thành các ĐVHC mới thì sẽ tiến hành sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030 theo quy định.

IV. KẾT QUẢ SAU SẮP XẾP

Tỉnh Lâm Đồng sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 còn 09 ĐVHC cấp huyện (07 huyện, 02 thành phố) và 136 ĐVHC cấp xã (103 xã, 21 phường, 12 thị trấn), giảm 03 ĐVHC cấp huyện và 06 ĐVHC cấp xã.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng kính báo cáo Bộ Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TKCT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Hiệp

PHƯƠNG ÁN

**Tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Lâm Đồng (sau rà soát)**

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; Thông báo số 350/TB-VPCP ngày 24/8/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Công điện số 972/CĐ-TTg ngày 17/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 05/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Kế hoạch số 8358/KH-UBND ngày 25/9/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Ý kiến góp ý của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 7431/BNV-CQĐP ngày 16/12/2023 và 08 Bộ, ngành Trung ương¹;

¹ Văn bản số 5405/BVHTTDL-TCCB ngày 06/12/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Văn bản số 4874/BQP-TM ngày 11/12/2023 của Bộ Quốc phòng; Văn bản số 6537/BNG-UBBG ngày 12/12/2023 của Bộ Ngoại giao; Văn bản số 10701/BKHĐT-KTĐPLT ngày 20/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn bản số 9321/BNN-TCCB ngày 20/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 10720/BTNMT-ĐBĐVN ngày 20/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 4608/BCA-ANCTNB ngày 21/12/2023 của Bộ Công an và Văn bản số 14295/BTC-NSNN ngày 27/12/2023 của Bộ Tài chính.

Thực hiện Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 56 (*Kết luận số 809-KL/TU ngày 20/02/2024*). UBND tỉnh Lâm Đồng hoàn thiện, báo cáo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh sau rà soát, cụ thể như sau:

Phần I

HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

1. Tỉnh Lâm Đồng

1.1. Diện tích tự nhiên (km²): Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu thống kê do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cung cấp (*Văn bản số 415/STNMT-ĐĐBĐ ngày 27/02/2023*) tỉnh Lâm Đồng có diện tích tự nhiên 9.781,20 km².

1.2 Quy mô dân số (người): Theo số liệu thống kê do Công an tỉnh Lâm Đồng cung cấp (*Văn bản số 420/CAT-PC06 ngày 02/3/2023*), quy mô dân số tỉnh Lâm Đồng tính đến thời điểm 31/12/2022 là 1.543.239 người, mật độ dân số khoảng 158 người/km².

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện

- Toàn tỉnh có 12 ĐVHC cấp huyện (gồm 02 thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc và 10 huyện: Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên); trong đó 06 ĐVHC loại I (gồm các huyện, thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm); 05 ĐVHC loại II (các huyện: Lạc Dương, Đơn Dương, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh) và 01 ĐVHC loại III (huyện Cát Tiên).

- Có 09/12 ĐVHC cấp huyện không thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2030; trong đó:

+ Có 06/12 ĐVHC cấp huyện có đồng thời cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số đảm bảo trên 100% quy định, gồm: Thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và các huyện: Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh và Bảo Lâm.

+ Có 03/12 ĐVHC cấp huyện có 01 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số đảm bảo trên 100% quy định, tiêu chuẩn còn lại dưới 100% tiêu chuẩn so với quy định, gồm các huyện: Lạc Dương, Đơn Dương và Đam Rông.

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

tỉnh Lâm Đồng có 03/12 ĐVHC huyện thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2030; trong đó:

- Giai đoạn 2023-2025: Có 02/12 ĐVHC huyện có đồng thời cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định, gồm: huyện Đạ Huoai và huyện Cát Tiên.

- Giai đoạn 2026-2030: Có 01/12 ĐVHC huyện có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định: huyện Đạ Tẻh.

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng thực hiện khuyến khích sắp xếp đổi với một số ĐVHC cấp huyện cụ thể như sau:

- Sắp xếp ĐVHC huyện Đạ Tẻh do không đảm bảo 100% cả 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030 để thực hiện trong giai đoạn 2023-2025.

- Mở rộng không gian đô thị thành phố Đà Lạt: Nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt.

- Mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc: Điều chỉnh 05 xã của huyện Bảo Lâm (gồm các xã: Lộc An, Lộc Thành, Lộc Nam, Lộc Tân và Tân Lạc) vào thành phố Bảo Lộc.

2.5. Số lượng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp

Khi thực hiện việc nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt và điều chỉnh 05 xã của huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị, tỉnh Lâm Đồng có 02 thành phố có điều chỉnh địa giới hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp đó là thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã

- Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có 142 ĐVHC cấp xã, trong đó cấp xã loại I có 102 đơn vị (gồm: 73 xã, 17 phường, 12 thị trấn); cấp xã loại II có 39 đơn vị (gồm: 37 xã, 01 phường (phường B' Lao thành phố Bảo Lộc) và 01 thị trấn (thị trấn Đạ M'ri huyện Đạ Huoai) và 01 xã loại III (xã Đức Phổ huyện Cát Tiên).

- Toàn tỉnh có 128/142 ĐVHC cấp xã không thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2030; trong đó:

+ Có 68/142 ĐVHC cấp xã có đồng thời cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số đảm bảo trên 100% quy định.

+ Có 60/142 ĐVHC cấp xã có 01 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số đảm bảo trên 100% quy định, tiêu chuẩn còn lại dưới 100% tiêu chuẩn so với quy định.

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tỉnh Lâm Đồng có 14/142 ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2030; trong đó:

- Giai đoạn 2023-2025: Tỉnh Lâm Đồng có 02 ĐVHC xã thuộc diện sắp xếp, gồm:

+ Xã Triệu Hải huyện Đa Tề có đồng thời cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định.

+ Xã Quảng Lập huyện Đơn Dương có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Giai đoạn 2026-2030: Tỉnh Lâm Đồng có 12 ĐVHC xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định, gồm:

Xã Nam Hà thuộc huyện Lâm Hà; xã Hòa Trung thuộc huyện Di Linh; 02 xã (xã Lộc Quảng, xã Tân Lạc) thuộc huyện Bảo Lâm; 05 xã (xã Đoàn Kết, xã Hà Lâm, xã Madaguôi, xã Đa Oai, xã Đa Tồn) thuộc huyện Đa Huoai và 03 xã (xã Đức Phổ, xã Quảng Ngãi, xã Nam Ninh) thuộc huyện Cát Tiên. Trong đó 03 xã có quy mô dân số tiệm cận tiêu chuẩn theo quy định, gồm: Xã Lộc Quảng thuộc huyện Bảo Lâm có quy mô dân số 4.984/5.000 người đạt 99,68%, thiếu 16 người so với quy định; xã Nam Hà thuộc huyện Lâm Hà có quy mô dân số 4.895/5.000 người đạt 97,9% thiếu 105 người so với quy định và xã Madaguôi thuộc huyện Đa Huoai có quy mô dân số 4.861/5.000 người đạt 97,22%, thiếu 139 người so với quy định.

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

Theo khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, quy định:

“2. Trong giai đoạn 2023-2025 không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã được sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021.

3. Trong giai đoạn 2026-2030 không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã được sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 và giai đoạn 2023-2025.

Hiện nay, qua rà soát số liệu về quy mô dân số và diện tích tự nhiên đối với cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh do Công an tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thì trên địa bàn tỉnh có huyện Cát Tiên có 02 xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030, gồm xã Quảng Ngãi và xã Nam Ninh. Tuy nhiên 02 xã Quảng Ngãi và xã Nam Ninh đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vì vậy UBND tỉnh đề xuất không thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030.

3.4. Số lượng ĐVHC thuộc diện khuyến khích sắp xếp

- Theo khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, quy định:

“4. Đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu địa phương thấy cần thực hiện sắp xếp để tổ chức hợp lý ĐVHC cấp huyện, cấp xã thì UBND cấp tỉnh báo cáo tại phương án tổng thể và đề án sắp xếp ĐVHC của địa phương để trình cấp có thẩm quyền xem xét”.

- Thực hiện điểm 2.1, mục 2, phần II Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh đã xác định: *“Sắp xếp đối với một số ĐVHC cấp xã thuộc các ĐVHC cấp huyện thực hiện trong giai đoạn 2023-2025 mà không đủ điều kiện, tiêu chí thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030. Khuyến khích các địa phương chủ động đề xuất sắp xếp ĐVHC tinh gọn, phù hợp với thực tiễn địa phương (kể cả các ĐVHC đã bảo đảm tiêu chuẩn). Không bắt buộc thực hiện sắp xếp (trừ trường hợp địa phương có nhu cầu sắp xếp) đối với ĐVHC cấp xã đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021”.*

Trên cơ sở đề xuất của các địa phương về sắp xếp ĐVHC, tỉnh Lâm Đồng thực hiện khuyến khích sắp xếp 05 ĐVHC cấp xã thuộc các đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 mà không đủ điều kiện, tiêu chí, thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2026-2030, cụ thể:

- Sắp xếp 04 ĐVHC xã thuộc huyện Đạ Huoai (gồm: xã Đoàn Kết, xã Hà Lâm, xã Đạ Oai, xã Đạ Tồn);

- Sắp xếp 01 ĐVHC xã thuộc huyện Bảo Lâm (xã Tân Lạc) khi điều chỉnh về thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc.

2.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp.

Khi thực hiện việc sắp xếp xã Triệu Hải vào xã Quảng Trị thuộc huyện Đa Têh; xã Quảng Lập vào xã Pro thuộc huyện Đơn Dương và sắp xếp đối với 05 xã thuộc diện khuyến khích của các huyện Đa Huoai và Bảo Lâm, thì ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp, gồm: xã Quảng Trị thuộc huyện Đa Têh; xã Pro thuộc huyện Đơn Dương; xã Đa P'loa và xã Phước Lộc thuộc huyện Đa Huoai và xã Lộc Nga thuộc thành phố Bảo Lộc.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp

1.1. Huyện Đa Huoai

a) Là ĐVHC loại II, thuộc huyện vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Về diện tích tự nhiên (km²): Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thì huyện Đa Huoai có diện tích tự nhiên là 495,04 km², đạt tỷ lệ 58,24% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người): Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Công an tỉnh cung cấp thì quy mô dân số huyện Đa Huoai là 44.087 người, đạt tỷ lệ 55,11% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số là 8.797 người, chiếm tỷ lệ 19,95% dân số toàn huyện.

đ) Số ĐVHC cấp xã trực thuộc: Huyện Đa Huoai có 09 ĐVHC cấp xã, gồm: 02 thị trấn, 07 xã (thị trấn Madaguôi, thị trấn Đa M'ri và các xã: xã Đoàn Kết, xã Đa Oai, xã Đa Tồn, xã Hà Lâm, xã Madaguôi, xã Đa P'loa và xã Phước Lộc).

e) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

f) Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Đông giáp với thành phố Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng và huyện Tân Phước tỉnh Bình Thuận;

+ Phía Tây giáp với huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai;

+ Phía Nam giáp với huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận;

+ Phía Bắc giáp với huyện Đạ Tẻh và huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Huyện Cát Tiên

a) Là ĐVHC loại III, thuộc huyện vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Về diện tích tự nhiên (km²):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thì huyện Cát Tiên có diện tích tự nhiên là 426,70 km², đạt tỷ lệ 50,20% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Công an tỉnh cung cấp thì quy mô dân số toàn huyện là 44.783 người, đạt tỷ lệ 55,98% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số là 9.602 người; chiếm tỷ lệ 21,44% dân số toàn huyện.

đ) Số ĐVHC cấp xã trực thuộc: Huyện có 09 ĐVHC cấp xã, gồm: 02 thị trấn, 07 xã (thị trấn Cát Tiên, thị trấn Phước Cát và các xã: Quảng Ngãi, Nam Ninh, Đức Phổ, Tiên Hoàng, Gia Viễn, Phước Cát 2 và xã Đồng Nai Thượng).

e) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

f) Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Đông giáp với huyện Đạ Tẻh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;

+ Phía Tây giáp với huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

+ Phía Nam giáp với huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;

+ Phía Bắc giáp với huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không

3. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp

3.1. Huyện Đạ Tẻh

a) Là ĐVHC loại II, thuộc huyện vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Về diện tích tự nhiên (km²):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thì huyện Đạ Tẻh có diện tích tự nhiên là 526,74 km², đạt tỷ lệ 61,97% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Công an tỉnh cung cấp thì quy mô dân số toàn huyện là 57.194 người, đạt tỷ lệ 71,49% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số là 13.818 người; chiếm tỷ lệ 24,16% dân số toàn huyện.

đ) Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: Huyện có 09 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 01 thị trấn, 08 xã (thị trấn Đạ Tẻh và các xã: Đạ Lây, Mỹ Đức, Triệu Hải, Quảng Trị, An Nhơn, Đạ Kho, Đạ Pal và xã Quốc Oai).

e) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

f) Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Đông giáp với huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng;

+ Phía Tây giáp với huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;

+ Phía Nam giáp với huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;

+ Phía Bắc giáp với huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Huyện Lạc Dương

a) Là ĐVHC loại II, thuộc huyện vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Về diện tích tự nhiên (km²):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thì huyện Lạc Dương có diện tích tự nhiên là 1.313,94 km², đạt tỷ lệ 154,58% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Công an tỉnh cung cấp thì quy mô dân số toàn huyện là 35.635 người, đạt tỷ lệ 44,54% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số là 22.949 người; chiếm tỷ lệ 64,4% dân số toàn huyện.

đ) Số ĐVHC cấp xã trực thuộc: Huyện có 06 ĐVHC cấp xã, gồm: 01 thị trấn, 05 xã (thị trấn Lạc Dương và các xã: Đạ Sar, Đạ Nhim, Đạ Chais, Lát và Đung K'Nó).

e) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

f) Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Đông giáp với huyện Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hòa và huyện Bắc Ái tỉnh Ninh Thuận;

+ Phía Tây giáp với huyện Đam Rông và huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;

+ Phía Nam giáp với thành phố Đà Lạt và huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng;

+ Phía Bắc giáp với huyện Lắc và huyện Krông Bông tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Điều chỉnh 05 ĐVHC xã của huyện Bảo Lâm (gồm các xã: Lộc An, Lộc Thành, Lộc Nam, Lộc Tân và Tân Lạc) vào ĐVHC thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc với diện tích tự nhiên là 364,54 km², quy mô dân số là 65.727 người vào thành phố Bảo Lộc.

Sau khi điều chỉnh 05 ĐVHC xã của huyện Bảo Lâm vào ĐVHC thành phố Bảo Lộc, thì huyện Bảo Lâm còn 1.098,18 km² đạt 129,2% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 71.613 người đạt 89,52% so với tiêu chuẩn.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

4.1. Thành phố Đà Lạt

a) Là ĐVHC loại I, thuộc vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

Thành phố Đà Lạt có 16 ĐVHC; trong đó có 12 phường và 04 xã và được công nhận là đô thị loại I theo Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 23/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về diện tích tự nhiên (km²):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thì thành phố Đà Lạt có diện tích tự nhiên là 391,15 km², đạt tỷ lệ 260,77% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Công an tỉnh cung cấp thì quy mô dân số toàn thành phố là 258.014 người, đạt tỷ lệ 172,01% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số là 11.875 người; chiếm tỷ lệ 4,6% dân số toàn thành phố.

đ) Số ĐVHC cấp xã trực thuộc: Thành phố Đà Lạt có 16 ĐVHC cấp xã, gồm: 12 phường (*Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5, Phường 6, Phường 7, Phường 8, Phường 9, Phường 10, Phường 11, Phường 12*) và 04 xã (*Xuân Trường, Trạm Hành, Xuân Thọ và xã Tà Nung*).

e) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

f) Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp với huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng;
- Phía Tây giáp với huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Phía Nam giáp với huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng;
- Phía Bắc giáp với huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

4.2. Thành phố Bảo Lộc

a) Là ĐVHC loại I, thuộc vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

Thành phố Bảo Lộc có 11 ĐVHC; trong đó có 06 phường và 05 xã và được công nhận là đô thị loại III theo Quyết định số 225/QĐ-BXD ngày 11/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

b) Về diện tích tự nhiên (km²):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thì thành phố Bảo Lộc có diện tích tự nhiên là 233,95 km², đạt tỷ lệ 155,97% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Tính đến thời điểm 31/12/2022, theo số liệu do Công an tỉnh cung cấp thì quy mô dân số toàn thành phố là 196.088 người, đạt tỷ lệ 130,73% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số là 6.641 người; chiếm tỷ lệ 3,39% dân số toàn thành phố.

đ) Số ĐVHC cấp xã trực thuộc: Thành phố Bảo Lộc có 11 ĐVHC cấp xã: gồm: 06 phường (*Phường 1, Phường 2, Phường B'Lao, Phường Lộc Phát, Phường Lộc Sơn, Phường Lộc Tiến*) và 05 xã (*Lộc Nga, Lộc Thanh, Lộc Châu, Đại Lào và xã Đạm Bri*).

e) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

f) Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp với huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
- Phía Tây giáp với huyện Đạ Huoai, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
- Phía Nam giáp với huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
- Phía Bắc giáp với huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

1.1. Xã Quảng Lập, huyện Đơn Dương

a) Là ĐVHC loại II thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Quảng Lập có diện tích tự nhiên 9,79km² đạt tỷ lệ 19,58% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 6.877 người, đạt tỷ lệ 137,54% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 554 người; chiếm tỷ lệ 8,06%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: gồm xã Pró, Ka Đô, Ka Đơn và thị trấn Thạnh Mỹ.

1.2. Xã Triệu Hải, huyện Đạ Tẻh

a) Là ĐVHC loại II thuộc xã miền núi theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Triệu Hải có diện tích tự nhiên 32,15 km², đạt tỷ lệ 64,30% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 3.106 người, đạt tỷ lệ 62,12% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 71 người; chiếm tỷ lệ 2,29%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: gồm xã Quảng Trị, Đa Pal, Đa Kho thuộc huyện Đa Têh và xã Đa Tồn thuộc huyện Đa Huoai.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp (Đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021)

2.1. Xã Nam Ninh thuộc huyện Cát Tiên

a) Là ĐVHC loại II thuộc xã miền núi theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Nam Ninh có diện tích tự nhiên 36,16 km², đạt tỷ lệ 72,32% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 3.654 người, đạt tỷ lệ 73,08% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 749 người; chiếm tỷ lệ 20,5%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm các xã: Quảng Ngãi, Gia Viễn, Tiên Hoàng, thị trấn Cát Tiên huyện Cát Tiên và xã Đa Lậy huyện Đa Têh.

2.2. Xã Quảng Ngãi thuộc huyện Cát Tiên

a) Là ĐVHC loại II thuộc xã miền núi theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên 21,56 km², đạt tỷ lệ 43,12% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 3.650 người, đạt tỷ lệ 73% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 137 người; chiếm tỷ lệ 3,75%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: gồm xã Nam Ninh, thị trấn Cát Tiên thuộc huyện Cát Tiên và xã Đạ Lây thuộc huyện Đạ Tẻh.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp

3.1. Xã Đoàn Kết thuộc huyện Đạ Huoai

a) Là ĐVHC loại II thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Đoàn Kết có diện tích tự nhiên 38,53 km², đạt tỷ lệ 77,06% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 2.156 người, đạt tỷ lệ 43,12% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC và đạt 95,8% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 864 người; chiếm tỷ lệ 40,07%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: gồm xã Đạ P'loa, xã Hà Lâm thuộc huyện huyện Đạ Huoai.

3.2. Xã Hà Lâm thuộc huyện Đạ Huoai

a) Là ĐVHC loại II thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Hà Lâm có diện tích tự nhiên 43,38 km², đạt tỷ lệ 86,76% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 4.203 người, đạt tỷ lệ 84,06% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 144 người; chiếm tỷ lệ 3,43%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm các xã: Phước Lộc, Đoàn Kết, Đa P'loa, thị trấn Mađaguôi, thị trấn Đa M'ri thuộc huyện Đa Huoai.

3.3. Xã Đa Oai thuộc huyện Đa Huoai

a) Là ĐVHC loại II thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Đa Oai có diện tích tự nhiên 23,27 km², đạt tỷ lệ 46,54% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 4.248 người, đạt tỷ lệ 84,96% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 812 người; chiếm tỷ lệ 19,11%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm các xã: Đa Tồn, Mađaguôi, thị trấn Mađaguôi, thị trấn Đa M'ri thuộc huyện Đa Huoai và xã Đa Kho thuộc huyện Đa Têh.

3.4. Xã Đa Tồn thuộc huyện Đa Huoai

a) Là ĐVHC loại II thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Đa Tồn có diện tích tự nhiên 45,12 km², đạt tỷ lệ 90,24% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 1.660 người, đạt tỷ lệ 33,20% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 14 người; chiếm tỷ lệ 0,84%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề, gồm các xã: Đạ Oai, Mađaguôi, Phước Lộc, thị trấn Mađaguôi thuộc huyện Đạ Huoai và xã Triệu Hải thuộc huyện Đạ Tẻh.

3.5. Xã Tân Lạc thuộc huyện Bảo Lâm

a) Là ĐVHC loại II, thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Tân Lạc có diện tích tự nhiên 27,04 km², đạt tỷ lệ 54,08% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 4.371 người, đạt tỷ lệ 87,42% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 132 người; chiếm tỷ lệ 3,02%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liên kề, gồm các xã: Lộc An, Lộc Thành, Lộc Nam thuộc huyện Bảo Lâm và xã Lộc Nga thuộc thành phố Bảo Lộc và xã Hòa Nam thuộc huyện Di Linh.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã liên kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

4.1. Xã Pró thuộc huyện Đơn Dương

a) Là ĐVHC loại I, thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Pró có diện tích tự nhiên 87,84 km², đạt tỷ lệ 175,68% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 7.300 người, đạt tỷ lệ 146% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 4.444 người; chiếm tỷ lệ 60,88%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm các xã: Quảng Lập, Ka Đô, Ka Đơn thuộc huyện Đơn Dương và xã Đa Quyn thuộc huyện Đức Trọng.

4.2. Xã Quảng Trị thuộc huyện Đa Tễh

a) Là ĐVHC loại II, thuộc xã miền núi theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Quảng Trị có diện tích tự nhiên 54,36 km² đạt tỷ lệ 108,72% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 3.274 người, đạt tỷ lệ 65,48% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 92 người; chiếm tỷ lệ 2,81%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: gồm xã Triệu Hải, Đa Pal, Mỹ Đức thuộc huyện Đa Tễh.

4.3. Xã Đa P'loa thuộc huyện Đa Huoai

a) Là ĐVHC loại II, thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Đa P'loa có diện tích tự nhiên 92,98 km² đạt tỷ lệ 185,96% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 4.344 người, đạt tỷ lệ 86,88% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 2.347 người; chiếm tỷ lệ 54,03%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm các xã: Đoàn Kết, Hà Lâm, thị trấn Đa M' ri thuộc huyện Đa Huoai và xã Lộc Thành thuộc huyện Bảo Lâm.

4.4. Xã Phước Lộc thuộc huyện Đa Huoai

a) Là ĐVHC loại II, thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Phước Lộc có diện tích tự nhiên 80,83 km², đạt tỷ lệ 161,66% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 3.540 người, đạt tỷ lệ 70,8% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 2.818 người; chiếm tỷ lệ 79,6%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: gồm xã Hà Lâm, Đạ Tồn, thị trấn Đạ M'ri, thị trấn Mađaguôi thuộc huyện Đạ Huoai.

4.5. Xã Lộc Nga thuộc thành phố Bảo Lộc

a) Là ĐVHC loại I, thuộc xã vùng cao theo Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

b) Diện tích tự nhiên (km²):

Xã Lộc Nga có diện tích tự nhiên 16,22 km², đạt tỷ lệ 32,44% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

c) Quy mô dân số (người):

Xã có 12.382 người, đạt tỷ lệ 247,64% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

d) Số dân là người dân tộc thiểu số 1.133 người; chiếm tỷ lệ 9,15%.

đ) Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không

e) Các ĐVHC cùng cấp liền kề: gồm xã Tân Lạc, Lộc An, Lộc Thành thuộc huyện Bảo Lâm và Phường Lộc Sơn, xã Lộc Thành thuộc thành phố Bảo Lộc.

(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 1-1A, 1-1B, 1-1C, 1-2A, 1-2B, 1-2C kèm theo)

Phần II
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp

1.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp huyện thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 huyện: huyện Đạ Huoai (có diện tích tự nhiên là 495,04 km², đạt tỷ lệ 58,24% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 44.087 người, đạt tỷ lệ 55,11% so với tiêu chuẩn); huyện Đạ Tẻh (có diện tích tự nhiên là 526,74 km², đạt tỷ lệ 61,97% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 57.194 người, đạt tỷ lệ 71,49% so với tiêu chuẩn) và huyện Cát Tiên (có diện tích tự nhiên là 426,70 km², đạt tỷ lệ 50,20% so với tiêu chuẩn; dân số là 44.783 người, đạt tỷ lệ 55,98% so với tiêu chuẩn) thành 01 huyện ***lấy tên là huyện Đạ Huoai***.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, trong giai đoạn 2023-2025, tỉnh Lâm Đồng có 02 ĐVHC huyện là huyện Đạ Huoai và huyện Cát Tiên thuộc diện phải sắp xếp do có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; giai đoạn 2026-2030, có 01 ĐVHC huyện Đạ Tẻh thuộc diện phải sắp xếp do có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định.

- Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, quy định: “Dự kiến sắp xếp 03 huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên thành 01 huyện);

- Thực hiện Kết luận số 654-KL/TU ngày 27/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất chủ trương sắp xếp 3 ĐVHC huyện (*Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên*) thành 01 ĐVHC trong giai đoạn 2023-2025.

- Huyện Đạ Tẻh nằm ở giữa 02 huyện Đạ Huoai, Cát Tiên (*huyện Đạ Tẻh, huyện Cát Tiên được thành lập trên cơ sở tách ra từ huyện Đạ Huoai theo Quyết định số 68-HĐBT ngày 06/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ*).

- Quá trình hình thành và phát triển của huyện Đạ Huoai qua các thời kỳ, nguồn gốc đầu tiên trước khi tách thành 03 huyện, ĐVHC huyện cũ có tên là huyện Đạ Huoai. Như vậy, để đảm bảo nguồn gốc hình thành, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất lấy tên ĐVHC của 03 huyện sau sắp xếp là huyện Đạ Huoai.

- Tạo điều kiện trong việc quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông liên kết nội vùng và liên vùng; tổ chức phân bổ sắp xếp hạ tầng giao thông liên huyện, liên xã, giao thông đô thị theo hướng đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế với yêu cầu kết nối hợp lý hạ

tầng giao thông quốc gia với trung tâm kinh tế, đô thị, các khu, cụm công nghiệp, khu vực sản xuất tập trung trên địa bàn 03 huyện.

- Tạo thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực để tập trung ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông có tính chất động lực trong toàn vùng gồm cao tốc Dầu Giây-Liên Khương, đường ĐT.721, ĐT.725; tăng khả năng tiếp cận, giao thương của người dân khu vực vùng sâu, vùng xa trên địa bàn huyện Cát Tiên và Đạ Tẻh với đầu mối giao thông trên địa bàn huyện Đạ Huoai.

- Tạo thuận lợi trong tổ chức vận tải hàng hóa và hành khách theo hướng tập trung, tăng khả năng liên kết phát triển dịch vụ logistic, nâng cao chất lượng và dịch vụ vận tải trên địa bàn.

Về tác động kinh tế - xã hội khi nhập 3 huyện

- Phát huy tiềm năng của 3 huyện sau khi sáp nhập, mở rộng không gian quỹ đất để phát triển, đáp ứng yêu cầu quy hoạch với mục tiêu xây dựng Vùng trọng điểm về phát triển nông nghiệp của tỉnh với các sản phẩm chủ yếu: Cà phê, cây ăn quả (Sầu riêng, bơ), điều, lúa chất lượng cao, chăn nuôi bò thịt, bò sữa, lợn, gia cầm, chăn nuôi đặc sản; sản phẩm OCOP. Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái cảnh quan, du lịch trải nghiệm nông nghiệp và du lịch văn hóa cộng đồng, khu di tích khảo cổ Cát Tiên. Bảo tồn đa dạng sinh học gắn với Vườn Quốc gia Cát Tiên. Qua đó, tạo động lực cho việc đầu tư, phát triển đô thị cùng du lịch chất lượng cao; tạo động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiết kiệm được ngân sách, là cơ sở pháp lý để đầu tư hạ tầng cơ sở, hạ tầng xã hội, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, cũng như xây dựng các cơ chế, chính sách để khuyến khích, thu hút các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp đến đầu tư, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho người dân địa phương, đặc biệt người dân sau sáp nhập, góp phần giảm nghèo hiệu quả, bền vững, từng bước nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

- Sau khi sắp xếp với sự ưu tiên tập trung đầu tư của tỉnh, cùng với việc thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư các dự án trên địa bàn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội sẽ sớm được đầu tư, nâng cấp đáp ứng các tiêu chí ĐVHC đô thị, qua đó người dân sẽ có cơ hội được thụ hưởng những thành quả, giá trị của quá trình đô thị hóa một cách thiết thực và tốt nhất, đặc biệt là người dân thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn.

- Việc sắp xếp ĐVHC góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, qua đó sẽ giảm chi ngân sách hàng năm, tập trung được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đồng thời sẽ tạo điều kiện để cơ cấu lại và lựa chọn, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm, lựa chọn được những người có đủ trình độ, năng

lực, tâm huyết nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Việc sắp xếp các ĐVHC trên cơ sở tương đồng về văn hóa, truyền thống lịch sử, phong tục tập quán sẽ tạo sự gắn kết cộng đồng cao trong Nhân dân các dân tộc trên địa bàn.

- Sau sắp xếp ĐVHC mới sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, chất lượng phục vụ Nhân dân được tốt hơn... qua đó sẽ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

b) Kết quả sau sắp xếp (nhập ĐVHC) thì ĐVHC **huyện Đạ Huoai mới** có:

- Diện tích tự nhiên: 1.448,48 km² (đạt 170,4% so với tiêu chuẩn);

- Quy mô dân số: 146.064 người (đạt 182,58% so với tiêu chuẩn);

- Số dân là người dân tộc thiểu số 32.217 người; chiếm tỷ lệ 22,06%;

- ĐVHC trực thuộc (gồm có 27 ĐVHC trực thuộc, gồm 05 thị trấn và 22 xã).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề, gồm thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm của tỉnh Lâm Đồng; huyện Tân Ninh, huyện Đức Linh của tỉnh Bình Thuận; huyện Tân Phú của tỉnh Đồng Nai; huyện Bù Đăng của tỉnh Bình Phước và huyện Đắk R'Lấp của tỉnh Đắk Nông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC huyện Đạ Huoai mới là trụ sở của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và UBND huyện Đạ Tẻh hiện nay.

Việc bố trí trung tâm hành chính, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC hình thành sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; động lực phát triển vùng, liên kết vùng và địa phương; phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Huyện Đạ Tẻh có vị trí địa lý nằm giữa 02 huyện Cát Tiên và Đạ Huoai, khoảng cách từ trụ sở huyện Đạ Tẻh đến trung tâm huyện (Cát Tiên và Đạ Huoai) khoảng 20 km; phù hợp, thuận tiện cho người dân, cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình làm việc và liên hệ công tác.

Việc bố trí trung tâm hành chính đảm bảo phù hợp với trục giao thông kết nối giữa 03 huyện (huyện Đạ Tẻh nằm giữa 02 huyện Cát Tiên, Đạ Huoai). Huyện Đạ Tẻh là vùng kết nối của 3 huyện phía Nam (Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên).

Cơ sở vật chất (*trụ sở làm việc*) của các cơ quan Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, UBND và các đơn vị liên quan của huyện Đa Tềnh được đầu tư xây dựng mới, đồng bộ; đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp; bên cạnh đó khu trung tâm huyện Đa Tềnh có địa hình bằng phẳng thuận lợi cho việc bố trí và mở rộng trung tâm hành chính.

2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp (*Sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp huyện*)

2.1. Mở rộng không gian đô thị thành phố Đà Lạt: Nhập huyện Lạc Dương (có diện tích tự nhiên là 1.313,94 km², đạt 154,58% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 35.635 người, đạt 44,54% so với tiêu chuẩn) vào ĐVHC thành phố Đà Lạt (có diện tích tự nhiên là 391,15 km², đạt 260,77% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 258.014 người, đạt 172,01% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, quy định: “Dự kiến mở rộng không gian đô thị thành phố Đà Lạt (sắp xếp đơn vị hành chính huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt)”;

Căn cứ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 (*gọi tắt là đồ án Quy hoạch 704*) thì phạm vi đồ án đã bao gồm toàn bộ phạm vi hành chính của thành phố Đà Lạt hiện hữu và toàn bộ phạm vi hành chính của huyện Lạc Dương (ngoài ra còn có huyện Đức Trọng, huyện Đơn Dương, một phần huyện Lâm Hà).

Do đó, đồ án Quy hoạch 704 đã đủ cơ sở (*về quy hoạch xây dựng đô thị*) để triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC (*nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt*). Đồ án Quy hoạch 704 không xác định mở rộng nội thị đối với thành phố Đà Lạt hiện hữu, tuy nhiên đã xác định các đô thị vệ tinh trong đó có thị trấn Lạc Dương. Về vị trí địa lý, thị trấn Lạc Dương giáp phường 7, phường 8 là nội thị hiện hữu của thành phố Đà Lạt. Đồng thời hiện nay giao thông kết nối với thành phố Đà Lạt rất thuận lợi (thông qua 02 tuyến là đường Cam Ly- Phước Thành và Đankia, ngoài ra đến năm 2025 dự kiến đầu tư tuyến đường từ trung tâm thị trấn Lạc Dương đến Thung lũng tình yêu phường 8, thành phố Đà Lạt theo quy hoạch). Do đó có thể xác định thị trấn Lạc Dương là nội thị của thành phố Đà Lạt mở rộng.

Như vậy, khu vực nội thị của thành phố Đà Lạt mở rộng sẽ bao gồm 12 phường hiện hữu và thị trấn Lạc Dương². Trường hợp tốc độ đô thị hóa tăng tại

² Nội dung này sẽ được cập nhật trong quá trình triển khai lập điều chỉnh đồ án quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận (thực hiện theo quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 17/3/2023)

các khu vực xã Xuân Thọ (thành phố Đà Lạt), Đạ Sar (huyện Lạc Dương) sẽ xem xét đánh giá mở rộng đô thị về hướng đông thành phố Đà Lạt.

Tạo thuận lợi về không gian trong cải thiện năng lực hệ thống đường đô thị thành phố Đà Lạt theo hướng hoàn thiện khép kín hệ thống đường vành đai; tăng cường hệ thống trục chính đô thị khu vực cửa ngõ phía Bắc với hạ tầng giao thông quốc gia gồm cao tốc Nha Trang - Đà Lạt, QL 27C, Đường Trường Sơn Đông góp phần tổ chức điều tiết, phân luồng giao thông, giảm tải áp lực giao thông trong khu vực nội đô thành phố Đà Lạt.

Tạo thuận lợi trong tổ chức các đầu mối trung chuyển vận tải hành khách và hàng hóa; phát triển vận tải hành khách công cộng, phát triển dịch vụ vận tải phân phối hàng hóa, logistic của thành phố Đà Lạt.

Việc nhập diện tích tự nhiên, dân số huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt là cơ bản phù hợp theo Đồ án quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Về tác động kinh tế - xã hội khi nhập ĐVHC huyện Lạc Dương vào ĐVHC thành phố Đà Lạt

- Mở rộng không gian quỹ đất để phát triển, đáp ứng yêu cầu quy hoạch với mục tiêu xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành đô thị hạt nhân của vùng Tây Nguyên hiện đại theo hướng đô thị xanh, thông minh, đẳng cấp quốc tế, có đặc thù về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, kiến trúc; là đô thị trung tâm tiêu vùng Nam Tây Nguyên. Qua đó, tạo động lực cho việc đầu tư, phát triển đô thị cùng du lịch chất lượng cao; tạo động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiết kiệm được ngân sách, là cơ sở pháp lý để đầu tư hạ tầng cơ sở, hạ tầng xã hội, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, cũng như xây dựng các cơ chế, chính sách để khuyến khích, thu hút các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp đến đầu tư tại Lạc Dương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho người dân địa phương, đặc biệt người dân tại huyện Lạc Dương, góp phần giảm nghèo hiệu quả, bền vững, từng bước nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

- Với vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh và cả vùng Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt mở rộng sẽ phát huy tối đa những tiềm năng, lợi thế về địa chính trị, địa kinh tế sẵn có, đặc biệt là phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ, vốn dĩ là những tiềm năng sẵn có của huyện Lạc Dương nhưng chưa được khai thác phát huy tối đa, thông qua thương hiệu du lịch của thành phố Đà Lạt góp phần tạo sự bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Sau khi sắp xếp, với sự ưu tiên tập trung đầu tư của tỉnh, cùng với việc thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư các dự án trên địa bàn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các phường, xã thuộc thành phố Đà Lạt mở rộng sẽ sớm được đầu tư, nâng cấp đáp ứng các tiêu chí ĐVHC đô thị, qua đó người dân sẽ có cơ hội được thụ hưởng những thành quả, giá trị của quá trình đô thị hóa một cách thiết thực và tốt nhất, đặc biệt là người dân thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn.

- Việc sắp xếp ĐVHC góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, qua đó sẽ giảm chi ngân sách hằng năm, tập trung được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đồng thời sẽ tạo điều kiện để cơ cấu lại và lựa chọn, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm, lựa chọn được những người có đủ trình độ, năng lực, tâm huyết nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Việc sắp xếp ĐVHC trên cơ sở tương đồng về văn hóa, truyền thống lịch sử, phong tục tập quán sẽ tạo sự gắn kết cộng đồng cao trong Nhân dân các dân tộc trên địa bàn.

- Sau sắp xếp, sáp nhập, các ĐVHC sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, chất lượng phục vụ Nhân dân được tốt hơn,... qua đó sẽ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

b) Kết quả sau sắp xếp (nhập ĐVHC) thì ĐVHC thành phố Đà Lạt mở rộng có:

- Diện tích tự nhiên: 1.705,09 km² (đạt 1.136,73% so với tiêu chuẩn);

- Quy mô dân số: 293.649 người (đạt 195,77% so với tiêu chuẩn);

- Số dân là người dân tộc thiểu số 34.824 người; (chiếm tỷ lệ 11,86%);

- ĐVHC trực thuộc (sau khi nhập ĐVHC huyện Lạc Dương vào ĐVHC thành phố Đà Lạt), thành phố Đà Lạt có 22 ĐVHC trực thuộc, gồm: 12 phường, 01 thị trấn và 09 xã).

Căn cứ khoản 1 Điều 110 Hiến pháp năm 2013, quy định: “...*Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và ĐVHC tương đương; Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã...*”

Theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, quy định: “*Khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mà giảm được số lượng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc đối với đơn vị hành chính cấp huyện hình thành sau sắp xếp*”.

Như vậy, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 110 của Hiến pháp năm 2013, cùng với việc nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt sẽ tiến hành thành lập thị trấn Lạc Dương của huyện Lạc Dương (cũ) thành Phường theo đúng quy định.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm các huyện: huyện Đam Rông, huyện Lâm Hà, huyện Đức Trọng, huyện Đơn Dương của tỉnh Lâm Đồng; huyện Bắc Ái của tỉnh Ninh Thuận, huyện Khánh Vĩnh của tỉnh Khánh Hòa và huyện Krông Bông của tỉnh Đắk Lắk.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC thành phố Đà Lạt sau khi mở rộng là trụ sở UBND thành phố Đà Lạt hiện nay.

c) Đánh giá sơ bộ về tiêu chuẩn cơ cấu kinh tế xã hội và loại đô thị đối với thành phố Đà Lạt mở rộng.

+ Tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

(1) Cân đối thu chi ngân sách: Đạt. (2) Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước năm 2023: Ước tính sau khi sắp xếp thì dự kiến thu nhập bình quân đầu người là 83,06 triệu đồng/người/năm so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước năm 2023 là 85,2 triệu đồng/người/năm (đạt 0,97 lần): Đạt. (3) Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ năm 2023: Ước tính sau khi sắp xếp thì tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt 83,53% (công nghiệp - xây dựng: 20,63%; thương mại dịch vụ: 62,90%): Đạt. (4) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất: Ước tính sau khi sắp xếp thì mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất là 14,64%: Đạt. (5) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2023: Theo số liệu quy mô dân số của hai địa phương thì sau khi sắp xếp còn 554 hộ nghèo/66.488 hộ, tỷ lệ 0,83%: Đạt. (6) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp năm 2023: Ước tính sau khi sắp xếp tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là đạt 67,0%: Đạt.

Như vậy, thành phố Đà Lạt (mở rộng) hình thành sau sắp xếp đảm bảo quy định là thành phố thuộc tỉnh theo Điều 5, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(Đính kèm Phụ lục về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội).

+ **Về loại đô thị:** Các tiêu chí phân loại đô thị được xác định bằng các tiêu chuẩn cụ thể và được tính điểm theo khung điểm phân loại đô thị quy định tại Phụ lục 1 của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Điểm của mỗi tiêu chí là tổng số điểm của các tiêu chuẩn của tiêu chí đó; tổng số điểm tối đa của các tiêu chí là 100 điểm, cụ thể như sau:

Tiêu chí 01: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (đánh giá tối thiểu là 13,5 điểm, tối đa là 18 điểm): Đạt 15 điểm.

Tiêu chí 02: Quy mô dân số gồm 02 tiêu chuẩn là quy mô dân số toàn đô thị và quy mô dân số khu vực nội thành, nội thị (đánh giá tối thiểu là 6,0 điểm, tối đa là 8,0 điểm): Đạt 8,0 điểm.

Tiêu chí 03: Mật độ dân số gồm 02 tiêu chuẩn là mật độ dân số toàn đô thị và mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn (đánh giá tối thiểu là 6,0 điểm, tối đa là 8,0 điểm): Không đạt (chưa đạt điểm tối thiểu là 6,0 điểm).

Tiêu chí 04: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp gồm 02 tiêu chuẩn là tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị (đánh giá tối thiểu là 4,5 điểm, tối đa là 6,0 điểm): Đạt 4,5 điểm.

Tiêu chí 05: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị gồm 49 tiêu chuẩn (đánh giá tối thiểu là 45 điểm, tối đa là 60 điểm): Đạt 53 điểm.

Đánh giá chung: So sánh với các tiêu chuẩn đô thị loại II, thành phố Đà Lạt (mở rộng) sau khi sắp xếp đạt 80,5 điểm; đạt 4/5 tiêu chí; có 01 tiêu chí chưa đạt là Tiêu chí 3 (mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị và thị trấn). Trong 49 tiêu chuẩn của Tiêu chí 5 về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng kiến trúc cảnh quan đô thị, có 11 tiêu chuẩn đạt mức tối thiểu.

Như vậy, thành phố Đà Lạt hình thành sau sắp xếp đảm bảo quy định là đô thị loại II theo Điều 5, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

(Đính kèm Phụ lục đánh giá điểm các tiêu chuẩn của tiêu chí phân loại đô thị)

2.2. Mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc: Điều chỉnh diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 05 xã (Lộc An, Lộc Thành, Lộc Nam, Tân Lạc và Lộc Tân) thuộc ĐVHC huyện Bảo Lâm (có diện tích tự nhiên là 364,54 km², quy mô dân số là 65.727 người vào đơn vị hành chính thành phố Bảo

Lộc (có diện tích tự nhiên là 233,95 km², đạt 155,97% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 196.088 người, đạt 130,73% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, quy định: “Dự kiến mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc (Điều chỉnh 05 xã của huyện Bảo Lâm, gồm xã Lộc An, Lộc Nam, Lộc Thành, Lộc Tân và Tân Lạc) vào thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc”.

Căn cứ Đồ án Quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 (sau đây gọi tắt là Đồ án Quy hoạch 1194) thì phạm vi đồ án đã bao gồm toàn bộ phạm vi hành chính của thành phố Bảo Lộc hiện hữu và toàn bộ phạm vi hành chính của 05 xã Lộc An, xã Lộc Tân, xã Lộc Nam, xã Lộc Thành và xã Tân Lạc huyện Bảo Lâm. Như vậy, Đồ án Quy hoạch 1194 đã đủ cơ sở (về quy hoạch xây dựng đô thị) để triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC (điều chỉnh 05 xã: Lộc An, xã Lộc Tân, xã Lộc Nam, xã Lộc Thành và xã Tân Lạc thuộc huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lộc).

Căn cứ Đồ án Quy hoạch 1194, nội thị thành phố Bảo Lộc mở rộng được xác định là khu vực trong phạm vi đường vành đai xanh (đường vành đai xanh phân chia phạm vi nội thị với ngoại thị).

Tạo thuận lợi trong tối ưu mô hình cấu trúc giao thông đô thị theo hệ thống đường vành đai, trục giao thông hướng tâm, trục giao thông nối kết các khu phát triển và vùng chức năng chuyên biệt như: Du lịch sinh thái, vùng nông nghiệp và các khu công nghiệp của thành phố Bảo Lộc.

Việc mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc sẽ đảm bảo tính lâu dài, bền vững trong xây dựng và hình thành điểm trung chuyển vận tải, trung tâm logistic, phân phối hàng hóa cấp vùng và cấp quốc gia gắn với đầu mối giao thông gồm đường cao tốc Dầu Giây-Liên Khương, QL 20, QL55 tập trung trên địa bàn thành phố; đồng thời tạo thuận lợi về không gian trong tổ chức các trung tâm vận tải, bến bãi, kho vận và tổ chức hoạt động vận chuyển các sản phẩm alumin, luyện nhôm trong khu vực.

Như vậy, nội dung Điều chỉnh địa giới hành chính 05 xã (gồm: xã Lộc An, xã Lộc Tân, xã Lộc Nam, xã Lộc Thành và xã Tân Lạc) của huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc là phù hợp với Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 16/6/2023.

Về tác động kinh tế - xã hội khi mở rộng thành phố Bảo Lộc với 5 xã thuộc huyện Bảo Lâm

Mở rộng không gian quỹ đất để phát triển, đáp ứng yêu cầu quy hoạch với mục tiêu xây dựng thành phố Bảo Lộc là đô thị hạt nhân phía Nam tỉnh Lâm Đồng, trung tâm kết nối giao thương của vùng tỉnh với vùng thành phố Hồ Chí Minh, vùng Tây Nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Trung tâm Dịch vụ-Thương mại hỗn hợp; Trung tâm Văn hóa thể thao cấp quốc gia; Trung tâm nông nghiệp chuyên canh theo hướng công nghệ cao; Trung tâm Dịch vụ du lịch cấp vùng và quốc gia; Trung tâm y tế và giáo dục-đào tạo cấp vùng; trung tâm nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe cấp vùng và quốc gia; Trung tâm công nghiệp phụ trợ; chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng; chế biến dược liệu; công nghiệp chế biến sau sản phẩm từ khai khoáng. Qua đó, tạo động lực cho việc đầu tư, phát triển đô thị cùng du lịch chất lượng cao; tạo động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tiết kiệm được ngân sách, là cơ sở pháp lý để đầu tư hạ tầng cơ sở, hạ tầng xã hội, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, cũng như xây dựng các cơ chế, chính sách để khuyến khích, thu hút các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp đến đầu tư tại thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho người dân địa phương, đặc biệt người dân tại các xã thuộc vùng phụ cận, góp phần giảm nghèo hiệu quả, bền vững, từng bước nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

Với vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh và tiểu vùng 3, thành phố Bảo Lộc mở rộng sẽ phát huy tối đa những tiềm năng, lợi thế về địa chính trị, địa kinh tế sẵn có, đặc biệt là phát triển du lịch, công nghiệp, nông nghiệp, góp phần tạo sự bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Sau khi sắp xếp, với sự ưu tiên tập trung đầu tư của tỉnh, cùng với việc thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư các dự án trên địa bàn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các phường, xã thuộc thành phố Bảo Lộc mở rộng sẽ sớm được đầu tư, nâng cấp đáp ứng các tiêu chí ĐVHC đô thị, qua đó người dân sẽ có cơ hội được thụ hưởng những thành quả, giá trị của quá trình đô thị hóa một cách thiết thực và tốt nhất.

Việc sắp xếp ĐVHC góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, qua đó sẽ giảm chi ngân sách hàng năm, tập trung được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đồng thời sẽ tạo điều kiện để cơ cấu lại và lựa chọn, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm, lựa chọn được những người có đủ trình độ, năng lực, tâm huyết nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, góp

phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Sau sắp xếp, ĐVHC mới sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, chất lượng phục vụ Nhân dân được tốt hơn... qua đó sẽ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

b) Kết quả sau khi điều chỉnh địa giới ĐVHC thì ĐVHC thành phố Bảo Lộc sau mở rộng có:

- Diện tích tự nhiên: 598,49 km² (đạt 398,99% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 261.815 người (đạt 174,54% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số 25.836 người (chiếm tỷ lệ 9,87%).

- ĐVHC trực thuộc (có 16 ĐVHC trực thuộc, gồm: 06 phường và 10 xã).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm huyện Bảo Lâm, huyện Di Linh và huyện Đạ Huoai mới của tỉnh Lâm Đồng

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC thành phố Bảo Lộc là trụ sở của UBND thành phố Bảo Lộc hiện nay.

c) Đánh giá sơ bộ về tiêu chuẩn cơ cấu kinh tế xã hội và loại đô thị đối với thành phố Bảo Lộc mở rộng.

+ Tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:

(1) Cân đối thu chi ngân sách: Đạt. (2) Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước năm 2023: Ước tính sau khi sắp xếp thì dự kiến thu nhập bình quân đầu người là 63,12 triệu đồng/người/năm so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước năm 2023 là 85,2 triệu đồng/người/năm (đạt 0,74 lần): Đạt. (3) Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ năm 2023: Ước tính sau khi sắp xếp thì tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt 84,4% (công nghiệp - xây dựng: 44,5%; thương mại dịch vụ: 39,9%): Đạt. (4) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất: Ước tính sau khi sắp xếp thì mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất là 7,5%: Đạt. (5) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân 3 năm, tỷ lệ 1,98%: Đạt. (6) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp năm 2023: Ước tính sau khi sắp xếp tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là đạt 66,27%: Đạt.

Như vậy, thành phố Bảo Lộc (mở rộng) hình thành sau sắp xếp đảm bảo quy định là thành phố thuộc tỉnh theo Điều 5, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(Đính kèm Phụ lục về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội).

+ **Về loại đô thị:** Các tiêu chí phân loại đô thị được xác định bằng các tiêu chuẩn cụ thể và được tính điểm theo khung điểm phân loại đô thị quy định tại Phụ lục 1 của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Điểm của mỗi tiêu chí là tổng số điểm của các tiêu chuẩn của tiêu chí đó; tổng số điểm tối đa của các tiêu chí là 100 điểm, cụ thể như sau:

Tiêu chí 01: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (đánh giá tối thiểu là 13,5 điểm, tối đa là 18 điểm): Đạt 14 điểm.

Tiêu chí 02: Quy mô dân số gồm 02 tiêu chuẩn là quy mô dân số toàn đô thị và quy mô dân số khu vực nội thành, nội thị (đánh giá tối thiểu là 6,0 điểm, tối đa là 8,0 điểm): Đạt 8 điểm.

Tiêu chí 03: Mật độ dân số gồm 02 tiêu chuẩn là mật độ dân số toàn đô thị và mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn (đánh giá tối thiểu là 6,0 điểm, tối đa là 8,0 điểm): Không đạt (chưa đạt điểm tối thiểu là 6,0 điểm).

Tiêu chí 04: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp gồm 02 tiêu chuẩn là tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị (đánh giá tối thiểu là 4,5 điểm, tối đa là 6,0 điểm): Đạt 4,5 điểm.

Tiêu chí 05: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị gồm 49 tiêu chuẩn (đánh giá tối thiểu là 45 điểm, tối đa là 60 điểm): Đạt 52 điểm.

Đánh giá chung: So sánh với các tiêu chuẩn đô thị loại III, thành phố Bảo Lộc (mở rộng) sau khi sắp xếp đạt 78,5 điểm; đạt 4/5 tiêu chí; có 01 tiêu chí chưa đạt là Tiêu chí 3 (mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị và thị trấn). Trong 49 tiêu chuẩn của Tiêu chí 5 về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng kiến trúc cảnh quan đô thị, có 11 tiêu chuẩn đạt mức tối thiểu.

Như vậy, thành phố Bảo Lộc hình thành sau sắp xếp đảm bảo quy định là đô thị loại III theo Điều 6, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

(Đính kèm Phụ lục đánh giá điểm các tiêu chuẩn của tiêu chí phân loại đô thị).

c) Kết quả sau điều chỉnh ĐVHC thì ĐVHC huyện Bảo Lâm còn lại có:

- Diện tích tự nhiên 1.098.07 km² (đạt 129,2% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 71.613 người (đạt 89,52% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số 22.553 người (chiếm tỷ lệ 31,5%).
- ĐVHC trực thuộc (gồm 09 ĐVHC trực thuộc 08 xã và 01 thị trấn).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: gồm huyện Di Linh, huyện Đạ Huoai mới và thành phố Bảo Lộc sau khi điều chỉnh; huyện Đắc Glong, thành phố Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC huyện Bảo Lâm: Giữ nguyên trụ sở làm việc của UBND huyện Bảo Lâm hiện nay.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp (*Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp*)

1.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Triệu Hải thuộc huyện Đạ Tẻh (có diện tích tự nhiên là 32,15 km², đạt tỷ lệ 64,3%; quy mô dân số là 3.106 người, đạt tỷ lệ 62,12%) vào xã Quảng Trị thuộc huyện Đạ Tẻh (có diện tích tự nhiên là 54,36 km², đạt tỷ lệ 108,72%; quy mô dân số là 3.274 người, đạt tỷ lệ 65,48%) thành 01 xã, lấy tên là xã Quảng Trị

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Triệu Hải và xã Quảng Trị là hai xã liền kề; có điều kiện tự nhiên khá tương đồng; dân cư trên địa bàn xã chủ yếu là dân di cư từ các tỉnh miền Trung vào tập trung nhất là Nhân dân tỉnh Quảng Trị đến xây dựng kinh tế. Do đó, qua quá trình hình thành và phát triển cũng dẫn đến những tương đồng về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc sáp nhập. Do vậy, việc sáp nhập các ĐVHC trên cơ bản thuận lợi.

Từ lý do và căn cứ trên, có thể thấy rằng việc sáp nhập xã Triệu Hải vào xã Quảng Trị là cần thiết, phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Trung ương; bảo đảm hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

b) Kết quả sau sắp xếp (nhập ĐVHC) thì xã Quảng Trị mới có:

- Diện tích tự nhiên: 86,51 km² (*đạt 173,02% so với tiêu chuẩn*).
- Quy mô dân số: 6.380 người (*đạt 127,6% so với tiêu chuẩn*).
- Số dân là người dân tộc thiểu số (163 người; chiếm tỷ lệ 2,55%).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: gồm xã Đạ Pal, Đạ Kho, Mỹ Đức và thị trấn Đạ Tẻh;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Quảng Trị: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Quảng Trị hiện nay.

1.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Quảng Lập (có diện tích tự nhiên là 9,79 km², đạt tỷ lệ 19,58%; quy mô dân số là 6.877 người, đạt tỷ lệ 137,54%) vào xã Prós (có diện tích tự nhiên là 87,84 km², đạt tỷ lệ 175,68%; quy mô dân số là 7.300 người, đạt tỷ lệ 146%) thành 01 xã dự kiến lấy tên là xã Prós.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Việc sáp nhập xã Quảng Lập là phù hợp với tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW Trung ương 6 (khóa XII); Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 nhằm góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế, giảm tải gánh nặng ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ người dân tốt hơn.

Sau khi sắp xếp xã Quảng Lập vào xã Prós, xã mới có diện tích tự nhiên và dân số đáp ứng tiêu chí quy định, sẽ tạo ra động lực, môi trường và điều kiện cho sự phát triển hơn nữa của kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương theo hướng chuyên dịch kinh tế nông nghiệp, nông thôn sang dịch vụ, thương mại, công nghiệp; cùng theo đó là sự đáp ứng tốt hơn về cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, thông tin liên lạc và các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế cho người dân.

Việc sắp xếp sẽ tác động tích cực đến mục tiêu phát triển cơ cấu kinh tế của huyện Đơn Dương theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp và từng bước giảm tỷ trọng nông nghiệp; qua đó cũng sẽ tạo tác động tích cực đến thu chi ngân sách, thu nhập đầu người, phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ, các thiết chế văn hóa - xã hội, thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nhằm kết nối với khu vực trung tâm và các địa bàn giáp ranh, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống người dân.

Xã mới đã hoàn thành các chỉ tiêu thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện để Nhân dân nâng cao thu nhập trong các hoạt động kinh tế, giữ gìn nếp sống văn hóa, chỉnh trang ngõ xóm, giữ vững an ninh trật tự,... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Định hướng của xã mới sẽ làm cho cơ cấu kinh tế và cơ cấu ngành nghề biến đổi theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, kéo theo đó là sự thay đổi điều kiện sống, sinh kế của người dân, biến đổi

xã hội và đặc biệt là biến đổi lối sống để thích nghi với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra. Đồng thời quá trình đó sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân nhờ phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh buôn bán và dịch vụ, nhờ vậy thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Xã Quảng Lập hiện nay đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, giao thông, ổn định kinh tế, xã hội, an ninh trật tự... nên khi sắp xếp xã Quảng Lập không làm tác động bất lợi đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội, đời sống Nhân dân, không làm phát sinh kinh phí hành chính hay tăng chi ngân sách.

Xã Pró hiện nay chưa xây dựng được chợ, điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo. Mặc khác, điều kiện cơ sở vật chất của xã Quảng Lập đã tương đối hoàn thiện, xã mới sau khi sáp nhập sẽ tận dụng chợ Quảng Lập, Đài tưởng niệm... (hiện có của xã Quảng Lập), tiết kiệm chi phí xây dựng mới cho xã Pró.

Sau khi sắp xếp, địa giới hành chính của xã mới phù hợp, gọn hơn; diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã mới tương đồng với các xã, thị trấn khác của huyện; trục giao thông kết nối giữa xã Quảng Lập và xã Pró rất thuận tiện cho việc đi lại, giao thương, mua bán, trao đổi hàng hóa và quản lý về mặt hành chính; bên cạnh đó xã Quảng lập là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, khi sáp nhập sẽ tạo đà cho các thôn chưa hoàn thành việc xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện và mở rộng quy mô vùng sản xuất chuyên canh của xã, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

b) Kết quả sau sắp xếp (nhập ĐVHC) thì **xã Pró** mới có:

- Diện tích tự nhiên: 97,63 km² (đạt 195,26% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 14.177 người (đạt 283,54% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 4.998 người (chiếm tỷ lệ 35,25%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Thị trấn Thanh Mỹ, Ka Đơn, Ka Đô huyện Đơn Dương; xã Đa Quyn huyện Đức Trọng và xã Ma Nối huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC **xã Pró mới**: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của **xã Pró** hiện nay.

2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp

2.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

2.1.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Đoàn Kết thuộc huyện Đa Huoai (có diện tích tự nhiên là 38,53 km², đạt tỷ lệ 77,06%; quy mô dân số là 2.156 người, đạt tỷ lệ 43,12%) và xã Đa P'loa thuộc huyện Đa

Huoi (có diện tích tự nhiên là 92,98 km², đạt tỷ lệ 185,96%; quy mô dân số là 4.344 người, đạt tỷ lệ 86,88%) thành 01 xã và đặt tên là xã Bà Gia.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC quy định về tiêu chuẩn của huyện miền núi, xã miền núi và thị trấn; xã Đoàn Kết có quy mô dân số và diện tích tự nhiên dưới 100% theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030.

- Về lịch sử hình thành: Ngày 19/5/1958, chính quyền Ngô Đình Diệm ra Nghị định số 170-NV đổi tên tỉnh Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng. Tỉnh Lâm Đồng gồm có 2 quận B'laro và Di Linh, dời tỉnh lỵ từ Di Linh xuống B'laro (ngày 19/02/1959 đổi tên thành Bảo Lộc). Quận Bảo Lộc gồm 12 xã: Thiện Lạc, Quần Lạc, Châu Lạc, An Lạc, Tân Lạc, Tân Thành, Tân Phát, **B'Sar**, Madagouil, Tân Đôn, Tân Lú và Tân Rai.

Tháng 2/1976, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam ra Nghị định về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam. Theo Nghị định này, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Tuyên Đức và thành phố Đà Lạt hợp nhất thành tỉnh Lâm Đồng. Bảo Lộc là tên huyện của tỉnh Lâm Đồng hợp nhất, khi đó gồm 2 thị trấn: B'laro, Ma Đa Guôi; 2 thị trấn nông trường: Đạ M'ré, Đạ Tẻh và 21 xã: Đạ Kho, Đạ Lây, Đạ M'ri, **Đạ P'loa**, Đạ Oai, Đạ Tẻh, Lộc An, Lộc Bắc, Lộc Châu, Lộc Lâm, Lộc Nam, Lộc Nga, Lộc Ngãi, Lộc Phát, Lộc Sơn, Lộc Tân, Lộc Thắng, Lộc Thanh, Lộc Thành, Lộc Tiến, Ma Đa Guôi. Theo đó, địa giới hành chính xã B'Sar (Bà Gia) được điều chỉnh thành 02 đơn vị là xã Đạ M'ri và Đạ P'loa.

Ngày 14/3/1979, huyện Bảo Lộc tách thành hai huyện: Bảo Lộc và Đạ Huoi theo Quyết định số 116-CP của Hội đồng Chính phủ. Huyện Đạ Huoi gồm có các xã Ma Đa Goui, Đạ Oai, Đạ M'ri, **Đạ Poal**, Đạ Tẻh, Đạ Kộ, Đạ Lây, thị trấn Ma Đa Guôi, thị trấn nông trường Đạ Tẻh và thị trấn nông trường Đạ M'ré.

Ngày 06/6/1986, tại Quyết định số 67/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường, thị trấn thuộc huyện Đạ Huoi, huyện Đơn Dương và thành phố Đà Lạt thuộc tỉnh Lâm Đồng, xã **Đạ Poal** được điều chỉnh, chia tách thành 02 xã: Đạ P'loa và xã Đoàn Kết và tại Quyết định số 68/QĐ-HĐBT ngày 06/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đạ Huoi thuộc tỉnh Lâm Đồng thì huyện Đạ Huoi gồm có 2 thị trấn Madaguôi, Đạ M'ri và 7 xã **Đạ P'loa**, **Đoàn Kết**, Đạ M'ri, Hà Lâm, Madaguôi, Đạ Oai, Đạ Tôn.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp và Kháng chiến chống Mỹ (1945-1975), xã B'Sar (Bà Gia) là căn cứ địa cách mạng của tỉnh Lâm Đồng; Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Bà Gia đã có thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước CHXHCNVN tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân (*Quyết định số 424/QĐ-CTN ngày 22/8/1998 của Chủ tịch nước CHXHCNVN*).

Xã Đoàn Kết và xã Đạ P'loa hiện nay có 3.211 người dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên (Cơ Ho) sinh sống (chiếm tỷ lệ 49,4%), có chung văn hóa, phong tục tập quán. Do đó, việc sắp xếp ĐVHC xã Đoàn Kết và xã Đạ P'loa là phù hợp với quy định và đúng theo tinh thần tại điểm 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Kết quả sau sắp xếp (nhập ĐVHC) thì **xã Bà Gia** mới có:

- Diện tích tự nhiên: 131,51 km² (*đạt 263,02% so với tiêu chuẩn*).
- Quy mô dân số: 6.500 người (*đạt 130% so với tiêu chuẩn*).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 3.211 người (chiếm tỷ lệ 49,4%).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: gồm xã Hà Lâm và thị trấn Đạ M'ri của huyện Đạ Huoai;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC **xã Bà Gia mới**: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Đạ P'loa hiện nay.

2.1.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Hà Lâm thuộc huyện Đạ Huoai (có diện tích tự nhiên là 43,38 km², đạt tỷ lệ 86,76%; quy mô dân số là 4.203 người, đạt tỷ lệ 84,06%) và xã Phước Lộc thuộc huyện Đạ Huoai (có diện tích tự nhiên là 80,83 km², đạt tỷ lệ 161,66%; quy mô dân số là 3.540 người, đạt tỷ lệ 70,8%) thành 01 xã, lấy tên là xã Hà Lâm

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC quy định về tiêu chuẩn của huyện miền núi, xã miền núi và thị trấn; xã Hà Lâm có quy mô dân số và diện tích tự nhiên dưới 100% theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập trong giai đoạn 2026-2030.

- Về lịch sử hình thành, xã Phước Lộc hiện nay được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Hà Lâm theo Nghị định số 112/2002/NĐ-CP ngày 31/12/2002 của

Chính phủ về việc thành lập xã thuộc các huyện Lâm Hà, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

Do đó, việc sắp xếp ĐVHC xã Phước Lộc và xã Hà Lâm là phù hợp với quy định và đúng theo tinh thần tại điểm 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Kết quả sau sắp xếp (nhập ĐVHC) thì **xã Hà Lâm mới** có:

- Diện tích tự nhiên: 124,21 km² (đạt 248,42% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 7.743 người (đạt 154,86% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số 2.962 người (chiếm tỷ lệ 38,25%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm các xã: Đoàn Kết, Đạ P'loa, Hà Lâm và thị trấn Đạ M'ri, thị trấn Madaguôi, Đạ Tồn của huyện Đạ Huoai và xã Đạ Pal của huyện Đạ Tẻh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC **xã Hà Lâm mới**: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hà Lâm hiện nay.

2.1.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Đạ Tồn thuộc huyện Đạ Huoai (có diện tích tự nhiên là 45,12 km², đạt tỷ lệ 90,24%; quy mô dân số là 1.660 người, đạt tỷ lệ 33,2%) và xã Đạ Oai thuộc huyện Đạ Huoai (có diện tích tự nhiên là 23,27 km², đạt tỷ lệ 46,54%; quy mô dân số là 4.248 người, đạt tỷ lệ 84,96%) thành 01 xã, lấy tên là xã Đạ Oai

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC quy định về tiêu chuẩn của huyện miền núi, xã miền núi và thị trấn; cả xã Đạ Tồn và xã Đạ Oai có quy mô dân số và diện tích tự nhiên dưới 100% theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập trong giai đoạn 2026-2030.

- Về lịch sử hình thành, xã Đạ Tồn hiện nay được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Đạ Oai theo Quyết định số 67/QĐ-HĐBT ngày 06/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường, thị trấn thuộc huyện Đạ Huoai, huyện Đơn Dương và thành phố Đà Lạt thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Do đó, việc sắp xếp ĐVHC xã Đạ Tồn và xã Đạ Oai là phù hợp với quy định và đúng theo tinh thần tại điểm 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày

10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Kết quả sau sắp xếp (nhập ĐVHC) thì xã **Đạ Oai** mới có:

- Diện tích tự nhiên: 68,39 km² (đạt 136,78% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 5.908 người (đạt 118,16% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 826 người; (chiếm tỷ lệ 13,98%).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề, gồm các xã: Mađaguôi, Phước Lộc, thị trấn Mađaguôi của huyện Đạ Huoai và xã Đạ Kho, Triệu Hải của huyện Đạ Tẻh.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã **Đạ Oai**: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã **Đạ Oai** hiện nay.

2.1.4. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Tân Lạc thuộc huyện Bảo Lâm (có diện tích tự nhiên là 27,04 km², đạt tỷ lệ 54,08%; quy mô dân số là 4.371 người, đạt tỷ lệ 87,42%) vào xã Lộc Nga thuộc thành phố Bảo Lộc (có diện tích tự nhiên là 16,22 km², đạt tỷ lệ 32,44%; quy mô dân số là 12.382 người, đạt tỷ lệ 247,64%) thành 01 xã, lấy tên là xã Lộc Nga.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Tân Lạc trước đây có tên gọi là xóm Trồng mới của xã Lộc Nga, huyện Bảo Lộc (cũ). Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 65/CP chia tách huyện Bảo Lộc thành 02 ĐVHC mới là Thị xã Bảo Lộc (nay là Thành phố Bảo Lộc) và huyện Bảo Lâm. Lúc đó, vùng đất xóm Trồng mới (xã Tân Lạc ngày nay) là một thôn của xã Lộc Nga.

Đến tháng 8/1998, theo Nghị định 364-NĐ/CP của Chính Phủ, thị xã Bảo Lộc chuyển giao xóm Trồng mới (xã Tân Lạc ngày nay) về xã Lộc Thành.

Ngày 24/8/1999, xã Tân Lạc, huyện Bảo Lâm được thành lập theo Nghị định số 79/1999/NĐ-CP của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới xã thuộc các huyện Lạc Dương, Lâm Hà, Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng, trên cơ sở điều chỉnh 2.442,15 ha diện tích tự nhiên và 3.247 nhân khẩu của xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm. Do đó, người dân của xã Tân Lạc có phong tục, tập quán và phong cách sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày rất phù hợp với người dân của xã Lộc Nga.

Bên cạnh đó, khi sáp nhập xã Tân Lạc, huyện Bảo Lâm vào xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc thì diện tích tự nhiên và địa bàn quản lý của xã Lộc Nga sẽ phù hợp với các ĐVHC liền kề của thành phố Bảo Lộc, công tác quản lý nhà nước trên địa bàn cũng rất thuận tiện. Hiện nay, từ xã Tân Lạc đến trụ sở UBND xã Lộc Nga đã có đường giao thông kết nối, vì vậy, việc đi lại của người dân rất thuận tiện, không phải đi qua ĐVHC khác.

Với những thuận lợi nêu trên, khi thực hiện lấy ý kiến của cử tri về việc sáp nhập xã Tân Lạc vào xã Lộc Nga sẽ thuận lợi hơn so với các phương án sáp nhập vào các xã: Lộc An, Lộc Thành và Lộc Nam.

b) Kết quả sau sắp xếp (nhập ĐVHC) thì **xã Lộc Nga** mới có:

- Diện tích tự nhiên: 43,26 km² (đạt 86,52% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 16.753 người (đạt 335,06% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 1.256 người (chiếm tỷ lệ 7,5%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: gồm xã Lộc Thành, Lộc Nam, Lộc An, Lộc Thanh, phường Lộc Sơn của thành phố Bảo Lộc mở rộng và xã Hòa Nam của huyện Di Linh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC **Lộc Nga** mới: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Lộc Nga hiện có.

2.2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp

- Căn cứ khoản 1 Điều 110 Hiến pháp năm 2013, quy định: “...*Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và ĐVHC tương đương; Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã...*”.

- Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, quy định: “*Khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mà giảm được số lượng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc đối với đơn vị hành chính cấp huyện hình thành sau sắp xếp*”.

- Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đến 2025, sáp nhập 05 xã của huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lộc; Xã Lộc An (Bảo Lâm cũ) trở thành phường của thành phố Bảo Lộc. Đến 2030 xã Lộc Thành (Bảo Lâm cũ) trở thành phường của thành phố Bảo Lộc (*Phụ lục II của Quyết định số 1727/QĐ-TTg*).

- Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 10/7/2023 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; trong đó thực hiện nhập ĐVHC huyện Lạc Dương vào ĐVHC thành phố Đà Lạt và điều chỉnh 05 xã của ĐVHC huyện Bảo Lâm vào ĐVHC thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị.

Căn cứ các quy định trên, UBND tỉnh Lâm Đồng xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp, như sau:

2.2.1 Thành lập Phường Lang Biang trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương (sau khi nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt). Thị trấn Lạc Dương là ĐVHC loại I, được phân loại là đô thị loại V.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Căn cứ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 (sau đây gọi tắt là đồ án Quy hoạch 704) thì phạm vi đồ án đã bao gồm toàn bộ phạm vi hành chính của thành phố Đà Lạt hiện hữu và toàn bộ phạm vi hành chính của huyện Lạc Dương (ngoài ra còn có huyện Đức Trọng, huyện Đơn Dương một phần huyện Lâm Hà).

Về vị trí địa lý, thị trấn Lạc Dương giáp phường 7, phường 8 là nội thị hiện hữu của thành phố Đà Lạt. Đồng thời hiện nay giao thông kết nối giữa thị trấn Lạc Dương với thành phố Đà Lạt rất thuận lợi (thông qua 02 tuyến là đường Cam Ly- Phước Thành và Đankia, ngoài ra đến năm 2025 dự kiến đầu tư tuyến đường từ trung tâm thị trấn Lạc Dương đến Thung lũng tình yêu phường 8, thành phố Đà Lạt theo quy hoạch).

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đến 2025, nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt; thị trấn Lạc Dương trở thành phường của thành phố Đà Lạt... (Phụ lục II của Quyết định số 1727/QĐ-TTg).

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng tổ chức triển khai điều chỉnh Đồ án Quy hoạch 704, theo đó sẽ xác định thị trấn Lạc Dương thuộc phạm vi nội thị thành phố Đà Lạt (mở rộng).

Như vậy, việc thực hiện nhập diện tích tự nhiên, dân số huyện Lạc Dương (ĐVHC nông thôn) vào thành phố Đà Lạt, đồng thời dự kiến thị trấn Lạc Dương thành phường của thành phố Đà Lạt (mở rộng) là cơ bản phù hợp với Quy hoạch 704 và Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Hiến pháp, dưới thành phố trực thuộc tỉnh là Phường và xã.

- Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương thị trấn sau khi được lên phường;

- Việc thành lập phường sẽ phát huy tiềm năng, lợi thế của thị trấn Lạc Dương, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các

thiết chế văn hoá... Từ đó, Nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh đối với khu vực phòng thủ khu vực Tây Nguyên của đất nước. Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong thành phố, tạo ảnh hưởng tích cực đối với các khu vực lân cận.

- Mở rộng không gian nội thị thành phố Đà Lạt sau khi nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt.

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập ĐVHC) thì ĐVHC **phường Lang Biang** có:

- Diện tích tự nhiên 69,36 km² (đạt 1.261,09% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số 14.905 người (đạt 212,93% so với tiêu chuẩn)

- Số dân là người dân tộc thiểu số 6.381 người (chiếm tỷ lệ 42,81%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường 7, Phường 8 của thành phố Đà Lạt, xã Lát, Đạ Sar của huyện Lạc Dương (cũ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Phường Lang Biang: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của thị trấn Lạc Dương hiện nay.

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC và Nghị quyết về phân loại đô thị:

(1) Tiêu chuẩn quy mô dân số 14.905/7.000 người: Đạt, (2) tiêu chuẩn diện tích tự nhiên 69,36/5,5km²: Đạt; (3) tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội có 2/3 tiêu chuẩn đạt (*thu chi ngân sách và tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất*), có 1/3 tiêu chuẩn chưa đạt: tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chưa đạt (43/56% theo quy định), (4) tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị 13/13 tiêu chuẩn đạt, gồm: Trạm y tế; cơ sở hạ tầng thương mại (*chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa*); cơ sở giáo dục; đất công trình giáo dục (*trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở*) bình quân đầu người; Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (*sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao*) bình quân đầu người; Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người; Đất giao thông (*tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông*) bình quân đầu người; Tỷ lệ đường được chiếu sáng (*tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ*); Đất cây xanh sử dụng công cộng (*đất công viên, vườn hoa,*

sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người; Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh; Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả; Mật độ đường cống thoát nước chính; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom.

(Kèm Phụ lục về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị thị trấn Lạc Dương)

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, quy định: “*Khi sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã mà giảm được số lượng ĐVHC thì không áp dụng tiêu chuẩn về ĐVHC trực thuộc đối với ĐVHC cấp huyện hình thành sau sắp xếp*”. Như vậy, theo quy định trên, sau khi nhập huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt để mở rộng không gian đô thị Đà Lạt và thành lập Phường Lang Biang thì thành phố Đà Lạt mở rộng có 22 ĐVHC, gồm 13 phường và 09 xã, đảm bảo số phường theo quy định.

2.2.2 Thành lập các Phường Lộc Châu, Lộc Nga khi điều chỉnh 05 xã của huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị Bảo Lộc.

Căn cứ Đồ án Quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1194/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 (sau đây gọi tắt là Đồ án Quy hoạch 1194) thì phạm vi đồ án đã bao gồm toàn bộ phạm vi hành chính của thành phố Bảo Lộc hiện hữu và toàn bộ phạm vi hành chính của 05 xã Lộc An, xã Lộc Tân, xã Lộc Nam, xã Lộc Thành và xã Tân Lạc huyện Bảo Lâm.

Ngoài ra, theo Quy hoạch 1194 xác định phạm vi nội thị bao gồm các khu vực trong vành đai xanh (đường vành đai xanh phân chia phạm vi nội thị với ngoại thị), theo đó nội thị bao gồm các phường của thành phố Bảo Lộc hiện hữu và toàn bộ xã Lộc Thanh, 01 phần xã Lộc Nga, 01 phần xã Lộc Châu và 01 phần xã Đạm Bri.

Như vậy, sau khi điều chỉnh 05 xã của huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lâm, việc nâng cấp xã Lộc Châu, xã Lộc Nga (sau khi nhập xã Tân Lạc vào xã Lộc Nga) thành phường là phù hợp.

2.2.2.1. Thành lập Phường Lộc Châu trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Lộc Châu hiện nay (Xã Lộc Châu là ĐVHC loại I, thuộc xã vùng cao).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Mở rộng không gian nội thị thành phố Bảo Lộc sau khi điều chỉnh 05 xã của ĐVHC huyện Bảo Lâm vào ĐVHC thành phố Bảo Lộc, phù hợp với quy hoạch.

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập ĐVHC) thì ĐVHC Phường Lộc Châu có:

- Diện tích tự nhiên: 35,32 km² (đạt 642,18% so với tiêu chuẩn);
- Quy mô dân số: 20.829 người (đạt 297,55% so với tiêu chuẩn);
- Số dân là người dân tộc thiểu số 1.381 người (chiếm tỷ lệ 6,63%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Lộc Tiến, Phường B' Lao, xã Đại Lào của thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Thành, xã Lộc Tân của huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Phường Lộc Châu: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Lộc Châu hiện nay.

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC và Nghị quyết về phân loại đô thị:

Qua rà soát sơ bộ khi nâng cấp xã Lộc Châu thành Phường Lộc Châu thì tiêu chuẩn của khu vực dự kiến thành lập phường như sau: (1) Tiêu chuẩn quy mô dân số 20.829/7.000 người: Đạt, (2) Tiêu chuẩn diện tích tự nhiên 35,32/5,5 km²: Đạt; (3) tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội có 2/3 tiêu chuẩn đạt (*thu chi ngân sách, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất*), có 1/3 tiêu chuẩn chưa đạt: tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chưa đạt (51,05/56%) theo quy định, (4) tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị 12/13 tiêu chuẩn đạt, gồm: Trạm y tế; Cơ sở giáo dục; đất công trình giáo dục (*trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở*) bình quân đầu người; đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (*sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao*) bình quân đầu người; Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người; Đất giao thông (*tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông*) bình quân đầu người; Đất cây xanh sử dụng công cộng (*đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở*) bình quân đầu người; Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh; Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả; Mật độ đường cống thoát nước chính. Tỷ lệ đường được chiếu sáng (*tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ*); Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom. 01/13 tiêu chuẩn chưa đạt: Cơ sở hạ tầng thương mại (*chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa*).

(Kèm Phụ lục về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị xã Lộc Châu)

2.2.2.2. Thành lập Phường Lộc Nga trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Lộc Nga mở rộng sau khi nhập xã Tân Lạc (Xã Lộc Nga là ĐVHC loại I, thuộc xã vùng cao).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Mở rộng không gian nội thị thành phố Bảo Lộc sau khi điều chỉnh 05 xã của huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lộc, phù hợp với quy hoạch.

b) Kết quả sau sắp xếp (thành lập ĐVHC) thì ĐVHC Phường Lộc Nga có:

- Diện tích tự nhiên: 43,26 km² (đạt 786,54 % so với tiêu chuẩn);

- Quy mô dân số: 16.753 người (đạt 239,33% so với tiêu chuẩn);

- Số dân là người dân tộc thiểu số 1.265 người (chiếm tỷ lệ 7,55%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Lộc Sơn, xã Lộc Thanh của thành phố Bảo Lộc, xã Lộc An, xã Lộc Nam của huyện Bảo Lâm và xã Hòa Nam của huyện Di Linh

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Phường Lộc Nga: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Lộc Nga hiện nay.

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC và Nghị quyết về phân loại đô thị:

Qua rà soát sơ bộ khi nâng cấp xã Lộc Nga thành Phường Lộc Nga thì tiêu chuẩn của khu vực dự kiến thành lập phường như sau: (1) Tiêu chuẩn quy mô dân số 16.753/7.000 người theo quy định: Đạt, (2) Tiêu chuẩn diện tích tự nhiên 43,26/5,5 km² theo quy định: Đạt; (3) Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội có 1/3 tiêu chuẩn đạt (*thu chi ngân sách*), có 2/3 tiêu chuẩn chưa đạt: tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 3 năm gần nhất và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chưa đạt (34,2/56%) theo quy định, (4) tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị 11/13 tiêu chuẩn đạt, gồm: Trạm y tế; Cơ sở giáo dục; đất công trình giáo dục (*trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở*) bình quân đầu người; đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (*sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao*) bình quân đầu người; Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người; Đất giao thông (*tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông*) bình quân đầu người; Đất cây xanh sử dụng công cộng (*đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở*) bình quân đầu người; Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh; Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả; Mật độ đường cống thoát nước chính; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom). 02/13 tiêu chuẩn chưa đạt, gồm: Cơ sở hạ tầng thương mại (*chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa*) và Tỷ lệ đường được chiếu sáng (*tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ*).

(Kèm Phụ lục về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị xã Lộc Nga sau sắp xếp)

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, quy định: “*Khi sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã mà giảm được số lượng ĐVHC thì không áp dụng tiêu chuẩn về ĐVHC trực thuộc đối với ĐVHC cấp huyện hình thành sau sắp xếp*”. Như vậy, theo quy định trên, sau khi điều chỉnh 05 xã của huyện Bảo Lâm vào thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc, có kết hợp nhập xã Tân Lạc vào xã Lộc Nga (*giảm 01 ĐVHC xã Tân Lạc*), thành lập phường Lộc Châu và phường Lộc Nga thì thành phố Bảo Lộc mở rộng có 15 ĐVHC, trong đó 08 phường và 07 xã, đảm bảo số phường theo quy định.

III. LÝ DO ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023-2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP

Trên địa bàn tỉnh, có 02 xã, gồm: xã Quảng Ngãi, xã Nam Ninh thuộc huyện Cát Tiên đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 tại Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 thì không bắt buộc phải thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030 đối với ĐVHC đã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 với lý do cụ thể sau:

(1) Căn cứ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 quy định: “*Trong giai đoạn 2023-2025, không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp xã được sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021*” và “*Trong giai đoạn 2026-2030, không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã được sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021 và 2023-2025*”.

Trong giai đoạn 2019-2021, thực hiện Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng; huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện sắp xếp xã Tư Nghĩa vào xã Quảng Ngãi thành xã Quảng Ngãi; sắp xếp xã Mỹ Lâm vào xã Nam Ninh thành xã Nam Ninh

(2) Nếu tiếp tục thực hiện việc sắp xếp 02 xã nêu trên, sẽ tác động không tốt đến tư tưởng của cán bộ, công chức, đặc biệt là Nhân dân trên địa bàn 02 xã, gây khó khăn cho Nhân dân khi chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã khi người dân mới thực hiện xong trong giai đoạn 2019-2021 (*đến nay vẫn còn một số người dân chưa chuyển đổi xong*

các giấy tờ có liên quan như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang thế chấp ở Ngân hàng).

Việc sắp xếp, xử lý các trụ sở, tài sản công dôi dư sau sắp xếp ĐVHC cấp xã còn nhiều bất cập; hiện nay, trụ sở UBND xã Quảng Ngãi, xã Nam Ninh mới được đầu tư, sửa chữa, xây dựng mới nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021; do đó, việc tiếp tục sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 sẽ gây khó khăn trong việc xử lý trụ sở, tài sản, gây lãng phí tài sản của Nhà nước.

(3) Trong giai đoạn 2023-2025, nếu sắp xếp đồng thời cả 03 ĐVHC cấp xã: Đức Phổ, Quảng Ngãi, Nam Ninh sẽ giảm 02 ĐVHC cấp xã (Đức Phổ, Nam Ninh). Tổng số cán bộ công chức cấp xã dôi dư là 38 người, trong đó số cán bộ, công chức đủ tuổi nghỉ tinh giản chỉ có 02 người (thuộc xã Đức Phổ), đối với xã Quảng Ngãi và Nam Ninh hiện nay hầu hết cán bộ, công chức đều ở độ tuổi còn trẻ do mới được bố trí, sắp xếp ở giai đoạn 2019-2021. Do đó, nếu tiếp tục thực hiện sáp nhập đối với xã Quảng Ngãi và Nam Ninh sẽ gây khó khăn trong công tác sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức dôi dư; khó bố trí khi biên chế tại UBND các xã, thị trấn hầu hết đã đủ số lượng theo quy định.

Từ những lý do trên, để đảm bảo thực hiện đúng quy định và chủ trương của Trung ương, UBND tỉnh báo cáo đề xuất không thực hiện sắp xếp đối với xã Quảng Ngãi và xã Nam Ninh trong giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030.

IV. GIẢI TRÌNH ĐVHC HUYỆN BẢO LÂM SAU SẮP XẾP

Sau khi điều chỉnh 05 ĐVHC cấp xã (*Lộc An, Lộc Nam, Lộc Thành, Lộc Tân và Tân Lạc*) của ĐVHC huyện Bảo Lâm với diện tích tự nhiên là 364,54 km², quy mô dân số là 65.727 người vào ĐVHC thành phố Bảo Lộc để mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc thì ĐVHC huyện Bảo Lâm còn lại có:

- ĐVHC trực thuộc (gồm 09 ĐVHC trực thuộc 08 xã và 01 thị trấn).
- Diện tích tự nhiên 1.098.07 km² (đạt 129,2% so với tiêu chuẩn);
- Quy mô dân số 71.613 người (đạt 89,52% so với tiêu chuẩn), số dân là người dân tộc thiểu số 22.553 người (chiếm tỷ lệ 31,5%)

Theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13, quy định: “*ĐVHC nông thôn có 30% dân số là người dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng cao hoặc có đường biên giới quốc gia thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định đối với ĐVHC nông thôn tương ứng*”.

Như vậy về quy mô dân số của huyện Bảo Lâm còn lại sau khi điều chỉnh 05 xã vào thành phố Bảo Lộc vẫn đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

V. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN CẤP XÃ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện: 12 đơn vị (gồm 10 huyện, 02 thành phố).
- b) ĐVHC cấp xã: 142 đơn vị (gồm 111 xã; 18 phường, 13 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện: 09 đơn vị (gồm 07 huyện, 02 thành phố).
- b) ĐVHC cấp xã: 136 đơn vị (gồm 103 xã; 21 phường, 12 thị trấn).

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện: Giảm 03 huyện.
- b) ĐVHC cấp xã: Giảm 06 xã.

VI. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023-2025

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

a) Năm 2024

- Hoàn thiện Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 theo góp ý trình Bộ Nội vụ.

- Triển khai việc xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã: Đề án sắp xếp 3 huyện (03 huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên) thành 01 huyện; Đề án mở rộng không gian đô thị thành phố Đà Lạt và Đề án mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc gắn với thành lập phường.

- Hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo đúng Phương án tổng thể:

+ Xây dựng Đề án sắp xếp (thành lập, nhập, điều chỉnh) ĐVHC cấp huyện, cấp xã trình Ban Thường vụ Tỉnh cho ý kiến trước khi báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo quy định. Hoàn thành chậm nhất ngày 15/4/2024.

+ Lập danh sách và triển khai tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn ĐVHC cấp xã liên quan Đề án. Hoàn thành trước ngày 20/5/2024.

+ HĐND các cấp xem xét, ban hành nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã (HĐND cấp xã, hoàn thành trước ngày 10/6/2024; HĐND cấp huyện, hoàn thành trước ngày 15/6/2024; HĐND tỉnh, hoàn thành trước ngày 20/6/2024.

+ Trình hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025. Hoàn thành chậm nhất là ngày 30/6/2024.

- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Tập trung giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

b) Năm 2025

- Tổ chức thành công Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 (trong đó có những ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023-2025).

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người dôi dư sau Đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 ở những ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

- Sơ kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Thực hiện theo đúng Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Nội dung này, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp Sở Tài chính, cơ quan đơn vị liên quan tham mưu lập dự toán và kế hoạch sử dụng kinh phí sau khi Phương án tổng thể được Bộ Nội vụ phê duyệt.

VII. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Trên cơ sở Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ, tỉnh Lâm Đồng đã tích cực chỉ đạo, triển khai công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Theo đó, dự kiến trong giai đoạn 2023-2025, tỉnh Lâm Đồng sẽ tiến hành sắp xếp 07 ĐVHC cấp huyện, 12 ĐVHC cấp xã để giảm 03 đơn vị hành chính cấp huyện và 06 đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

a) Đối với ĐVHC cấp huyện

- ĐVHC thuộc diện sắp xếp: Sắp xếp 03 huyện Đa Huoai, Đa Têh, Cát Tiên thành 01 huyện.

- ĐVHC thuộc diện khuyến khích:

+ Mở rộng không gian đô thị thành phố Đà Lạt: Nhập ĐVHC huyện Lạc Dương vào thành phố Đà Lạt.

+ Mở rộng không gian đô thị thành phố Bảo Lộc: Điều chỉnh 05 xã của huyện Bảo Lâm (*gồm: xã Lộc An, Lộc Nam, Lộc Thành, Lộc Tân và Tân Lạc*) vào thành phố Bảo Lộc.

b) Đối với ĐVHC cấp xã

- ĐVHC thuộc diện sắp xếp

+ Nhập xã Triệu Hải vào xã Quảng Trị thuộc huyện Đa Têh.

+ Nhập xã Quảng Lập vào xã Pró thuộc huyện Đơn Dương.

- ĐVHC thuộc diện khuyến khích sắp xếp

+ Sắp xếp xã Đoàn Kết và xã Đa P'loa, xã Hà Lâm và xã Phước Lộc, xã Đa Tồn và xã Đa Oai thuộc huyện Đa Huoai;

+ Sắp xếp xã Tân Lạc thuộc huyện Bảo Lâm vào xã Lộc Nga thuộc thành phố Bảo Lộc.

Trường hợp đến năm 2025 các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn để hình thành các ĐVHC mới theo quy định thì sẽ tiến hành sắp xếp trong giai đoạn 2026-2030.

2. Kiến nghị, đề xuất

Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030 là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước và liên quan đến nhiều ĐVHC huyện, thành phố; với khối lượng công việc rất lớn, hết sức quan trọng và đặc thù về các lĩnh vực, phạm vi và các cấp chính quyền liên quan. Vì vậy, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Nội vụ, các Bộ, ban, ngành Trung ương quan tâm tạo điều kiện giúp tỉnh Lâm Đồng hoàn thành công việc đề ra.

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2025 đã được hoàn chỉnh sau khi có ý kiến tham gia góp ý của Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở Nội vụ, Tài chính, KH&ĐT;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc, Lạc Dương, Đơn Dương, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên.
- Lưu: VT, NC1, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Hiệp